

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HN VIỆT ĐỨC

Số: ~~733~~ /VĐ-VTTBYT

V/v: Mời chào giá các mặt hàng
TTBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp trang thiết bị y tế

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức đang lập kế hoạch cung cấp vật tư tiêu hao năm 2021, để có cơ sở tham khảo giá các vật tư y tế trên thị trường, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp chào giá danh mục vật tư theo phụ lục đính kèm.

Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

1. Đăng ký kinh doanh, tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016;
2. Thư chào giá (theo mẫu Phụ lục I đính kèm);
3. Hợp đồng mua bán với các cơ sở khám chữa bệnh khác (kể từ ngày 01/01/2020 đến nay) của các vật tư y tế chào giá (nếu có);
4. Catalog, cấu hình và tính năng kỹ thuật của hàng hóa, CFS và các tài liệu khác liên quan đến phân nhóm thiết bị theo thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 (nếu có). Tổng hợp tại Bảng thông số kỹ thuật hàng hóa (Theo mẫu Phụ lục II đính kèm).

Hồ sơ báo giá xin gửi về địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; số 40 - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội đến trước thời điểm 16h30' ngày 07 tháng 05 năm 2021 để bệnh viện tổng hợp. Thông tin cần giải đáp xin liên hệ: KS. Trần Chí Hiếu – Phòng Vật tư – Thiết bị Y tế (SĐT: 0847.568.222).

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo)
- Lưu VT;VTTBYT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Hồng Thái

PHỤ LỤC I

(Đính kèm công văn số: 733 /VĐ-VTTBYT ngày 04 tháng 05 năm 2021)

[Tiêu đề công ty]

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức

Công ty chúng tôi xin gửi tới quý viện bảng giá chi tiết của các mặt hàng vật tư tiêu hao như sau:

STT mời thầu	Tên thương mại	Mã hiệu	Hãng chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Phân nhóm theo TT14/2020/BYT

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, thuế và phí khác, chi phí vận chuyển và thực hiện dịch vụ sau bán hàng tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức. Báo giá có hiệu lực đến hết năm 2021.

Ngày tháng năm 2021

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

(Kèm theo công văn số: 733 /VĐ-VTTBYT ngày 04 tháng 05 năm 2021)

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

[illegible]

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký và đóng dấu)

DANH MỤC KẾ HOẠCH DỰ KIẾN

(Kèm theo công văn số: 733 /VĐ-VTTBYT ngày 04 tháng 05 năm 2021)

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
1	Kim lấy thuốc, lấy máu	Cái	3,098,000
2	Kim cánh bướm	Bộ	62,000
3	Kim luồn mạch máu (các số đến 14G)	Cái	452,000
4	Kim luồn tĩnh mạch ngắn	Cái	217,000
5	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	Cái	15,000
6	Bơm tiêm liền kim 1ml	Cái	291,000
7	Bơm tiêm liền kim 3ml	Cái	50,000
8	Bơm tiêm liền kim 5ml	Cái	680,000
9	Bơm tiêm 5ml	Cái	1,045,000
10	Bơm tiêm liền kim 10ml	Cái	925,000
11	Bơm tiêm 10ml	Cái	1,757,000
12	Bơm tiêm 20ml	Cái	590,000
13	Bơm tiêm liền kim 20ml	Cái	379,000
14	Bơm cho ăn 50ml	Cái	79,000
15	Bơm tiêm nhựa 50 ml (đầu thường)	Cái	170,000
16	Bơm tiêm nhựa 50 ml (đầu xoắn)	Cái	277,000
17	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	105,100
18	Chạc ba tiêm (chịu áp lực các loại thuốc đặc biệt)	Cái	46,000
19	Chạc ba tiêm (chịu áp lực các loại thuốc thông thường)	Cái	252,000
20	Chạc ba tiêm dây nối 10 cm (chịu áp lực ≥ 150 psi)	Cái	45,000
21	Chạc ba tiêm dây nối 10cm (chịu áp lực ≥ 140 psi)	Cái	65,000
22	Chạc ba tiêm dây nối 25cm (chịu áp lực ≥ 150 psi)	Cái	44,000
23	Chạc ba tiêm dây nối 25cm (chịu áp lực ≥ 140 psi)	Chiếc	306,000
24	Dây truyền dịch (đầu vặn xoắn, có cổng bơm thuốc)	Cái	61,000
25	Dây truyền dịch 20 giọt/ml	Cái	471,000

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
26	Dây truyền dịch	Cái	347,000
27	Găng khám (độ bền cao)	Đôi	3,248,000
28	Găng khám	Đôi	4,395,000
29	Dây dẫn oxy	Cái	5,300
30	Dây silicon dẫn lưu	Cái	900
31	Túi nước tiểu	Cái	63,000
32	Sonde dạ dày hai nòng	Cái	10
33	Sonde dạ dày một nòng	Cái	51,000
34	Sonde hút nội khí quản (trở lực thấp)	Cái	174,000
35	Sonde hút nội khí quản	Cái	430,000
36	Phin làm ẩm và lọc khuẩn	Cái	78,000
37	Phin làm ẩm (dùng cho trẻ em)	Cái	1,900
38	Túi cho ăn theo máy	Cái	700
39	Dây nối chịu áp lực	Cái	13,800
40	Ống dẫn lưu silicon người lớn	Cái	10,200
41	Ống dẫn lưu silicon trẻ em	Cái	12,000
42	Kim khâu mổ	Cái	1,700
43	Dây cao su dẫn lưu	Cái	26,000
44	Sonde thụt hậu môn	Cái	4,200
45	Bình hút dịch chân không	Bộ	1,000
46	Canule Mayo	Cái	17,600
47	Sonde Pezzer	Cái	700
48	Găng mổ tiết trùng	Đôi	1,098,000
49	Sonde thở oxy	Cái	29,000
50	Mask thở oxy	Cái	83,000
51	Bộ xông khí dung qua mặt nạ người lớn, trẻ em	Cái	15,200
52	Đoạn nối dẫn lưu nhọn	Cái	97,000

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
53	Đoạn nối dẫn lưu thẳng	Cái	20,000
54	Lưỡi dao mổ	Cái	195,000
55	Điện Cực tim	Cái	685,000
56	Dây dẫn lưu hút nhựa	Cái	131,000
57	Túi nylon dùng Camera mổ nội soi	Cái	44,000
58	Túi nylon bọc kính vi phẫu	Cái	9,800
59	Màng mổ vô trùng cỡ nhỏ (khoảng 20x30cm)	Cái	2,500
60	Màng mổ vô trùng cỡ vừa (khoảng 28x41cm)	Cái	7,000
61	Màng mổ vô trùng cỡ lớn (khoảng 50x45cm)	Cái	22,000
62	Màng mổ vô trùng có Iod (Opsite Ioban)	Cái	22,000
63	Đoạn nối dây máy thở (loại thẳng)	Cái	33,000
64	Sonde foley 3 chạc	Cái	4,100
65	Sonde Foley 2 chạc	Cái	17,000
66	Sonde Foley 2 chạc (thành ống chống gãy gập)	Cái	44,000
67	Sonde chữ T (Kehr)	Cái	1,600
68	Sonde Nelaton	Cái	10,000
69	Túi truyền áp lực cao	Cái	40
70	Chỉ peclon	Mét	53,000
71	Chỉ lạnh [500m / cuộn]	Mét	39,000
72	Chai dẫn lưu kín	Cái	12,200
73	Băng garo cao su tiệt trùng	cái	4,900
74	Túi nước tiểu (có cổng lấy mẫu)	Cái	1,600
75	Đoạn ống nối dẫn lưu (chữ Y)	Cái	4,100
76	Ống nối khác	Cái	59,000
77	Ống hút cứng	Cái	58,000
78	Phin làm ấm và lọc khuẩn (dùng cho bệnh nhân hồi sức)	Cái	18,000
79	Bộ dây máy thở dùng một lần (loại có vách ngăn)	Bộ	15,000

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
80	Bình hút dịch PVC 2000ml (có van chống tràn)	Cái	2,500
81	Bình hút dịch PVC 2000ml (không có van chống tràn)	Cái	400
82	Đoạn nối dây máy thở (loại có đầu cút)	Cái	11,000
83	Túi hậu môn nhân tạo	Cái	2,000
84	Băng garo cao su, chưa tiệt trùng	Cái	39,000
85	Bộ dây máy thở dùng một lần (loại đồng trục)	Bộ	9,000
86	Túi nước tiểu (dùng cho ghép tạng)	Cái	500
87	Bao cao su	Cái	1,600
88	Dây nối bơm thuốc cản quang	Cái	34,600
89	Bơm tiêm đôi dùng máy bơm tiêm thuốc cản quang chụp CT 64 lớp cắt.	Cái	800
90	Xilanh tương thích với máy bơm tiêm thuốc cản quang chụp CT 16 lớp cắt Optivantage	Cái	700
91	Xilanh tương thích với máy bơm tiêm thuốc cản quang chụp 16 CT lớp cắt Accutron	Cái	500
92	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm thuốc cản quang chụp mạch DSA	Cái	300
93	Xilanh tiêm dùng cho máy bơm tiêm cản quang loại 1 nòng (chụp mạch DSA)	Cái	300
94	Dây bơm thuốc cản quang áp lực cao (dùng chụp mạch DSA)	Cái	300
95	Bộ xilanh dùng cho máy bơm tiêm thuốc cản quang chụp CT 256 lớp cắt	Cái	1,000
96	Dây dẫn áp lực cao (chữ Y)	Cái	400
97	Kim sinh thiết tạng	Cái	1,100
98	Kim chọc dò áp xe	Cái	1,700
99	Kim sinh thiết xương	Cái	30
100	Ống đặt nội khí quản thường	Cái	48,000
101	Ống đặt nội khí quản có bóng	Cái	50,000
102	Ống đặt nội khí quản gấp	Cái	300
103	Ống đặt nội khí quản lò xo	Cái	50
104	Ống nội khí quản kèm ống hút	Cái	50

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
105	Ống Juber mở khí quản loại 2 nòng	Cái	50
106	Kim gây tê đám rối 5cm	Cái	11,200
107	Kim gây tê đám rối 10 cm	Cái	600
108	Bộ gây tê đám rối liên tục	Bộ	600
109	Kim gây tê tuỷ sống	Cái	40,000
110	Kim gây tê tuỷ sống đầu bút chì	Cái	1,600
111	Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng số 7F (không phủ chất kháng khuẩn)	Bộ	9,400
112	Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng số 7F (phủ chất kháng khuẩn)	Bộ	300
113	Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng số 5F	Bộ	300
114	Sensor đo cung lượng tim theo cách hiệu chuẩn	Bộ	30
115	Catheter ngoài màng cứng (01 lớp chất liệu)	Bộ	14,800
116	Catheter ngoài màng cứng (02 lớp chất liệu)	Cái	5,500
117	Ống Carlens	Cái	20
118	Mask thanh quản loại 1 nòng (dùng nhiều lần)	Cái	20
119	Mask thanh quản 2 nòng (dùng nhiều lần)	Cái	20
120	Mask thanh quản 1 nòng có cổng đặt nội khí quản	Cái	200
121	Mask thanh quản 2 nòng đặt nhanh	Cái	9
122	Ống juber mở khí quản một nòng	Cái	3,200
123	Troca dẫn lưu phổi	Cái	500
124	Đầu dome phục vụ đo huyết áp xâm lấn (kèm dây đo áp lực tĩnh mạch)	Cái	7,000
125	Đầu dome phục vụ đo huyết áp xâm lấn	Cái	7,300
126	Cảm biến đo độ mê sâu	Cái	30
127	Cassette giảm đau PCA	Bộ	27,000
128	Cassette giảm đau PCA (có kẹp khóa bảo vệ)	Bộ	6,300
129	Cassette giảm đau PCA (sử dụng pin sạc lại)	Bộ	1,000
130	Catheter Fogarty	Cái	500

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
131	Bơm truyền tĩnh mạch	Bộ	500
132	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng số 8Fr x 16/20cm	Cái	30
133	Catridge cho máy làm ấm máu và dịch truyền	Cái	2,400
134	Sonde hút hệ thống kín	ống	400
135	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 9/0	Sợi	600
136	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 10/0	Sợi	600
137	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 11/0	Sợi	200
138	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 7/0 (1 kim)	Sợi	400
139	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 7/0 (2 kim)	Sợi	300
140	Chỉ tiêu chậm số 7/0	Sợi	400
141	Sonde JJ	Cái	4,200
142	Dây dẫn hướng đặt sonde JJ	Cái	5,400
143	Sonde JJ dùng cho bệnh nhân ghép tạng	Cái	400
144	Lưỡi cắt nội soi tiết niệu	Cái	200
145	Điện cực cầm máu hình mũi nhọn	Cái	3
146	Dụng cụ dùng rút sonde JJ	Cái	5
147	Đầu tán sỏi mềm đường mật	Cái	300
148	Lưới nâng đường tiêu nữ	Bộ	50
149	Tay dao siêu âm phẫu thuật nội soi	Cái	300
150	Tay dao siêu âm mổ mở (loại 23 cm)	Chiếc	20
151	Tay dao siêu âm mổ mở (loại 17-19cm)	Chiếc	80
152	Dây dao siêu âm mổ mở	Chiếc	10
153	Dây dao siêu âm mổ nội soi	Chiếc	30
154	Tay dao siêu âm không dây	Chiếc	80
155	Bộ tay dao hàn mạch (phủ nano)	Chiếc	800
156	Bộ tay dao hàn mạch (phủ ceramic)	Chiếc	200
157	Tay dao siêu âm kèm hàn mạch máu cho mổ nội soi	Cái	20

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
158	Tay dao siêu âm kèm hàn mạch máu cho mổ mở	Cái	20
159	Dụng cụ cắt nối tự động tròn (đầu đe cố định)	Cái	180
160	Dụng cụ cắt nối tự động tròn (đầu đe tháo rời được)	Cái	160
161	Dụng cụ khâu cắt nối soi thẳng đầu gấp góc (điều khiển gấp góc bằng tay)	Cái	150
162	Ghim khâu máy (không kèm lưỡi cắt)	Cái	1,000
163	Dụng cụ khâu cắt nối soi thẳng đầu gấp góc (điều khiển gấp góc bằng nút bấm) [EGIAUSTND, Medtronic (Covidien)]	Cái	120
164	Ghim khâu máy (kèm lưỡi cắt)	Cái	800
165	Ghim khâu máy (đầu cong, kèm lưỡi cắt)	Cái	250
166	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng cải tiến mổ hở 55mm	Cái	70
167	Ghim khâu máy mổ mở cải tiến 3D 55mm	Cái	500
168	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng cải tiến mổ hở 75mm	Cái	200
169	Ghim khâu máy mổ mở cải tiến 3D 75mm	Cái	1,600
170	Dụng cụ cắt trĩ (chiều cao chân ghim 3.5mm)	Cái	160
171	Dụng cụ cắt trĩ (chiều cao chân ghim 4mm)	Cái	40
172	Dụng cụ cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin	Cái	60
173	Ghim khâu dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin	Cái	110
174	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 45mm sử dụng pin	Cái	5
175	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc 60mm sử dụng pin	Cái	5
176	Dụng cụ khâu nối nội soi tự động	Cái	2
177	Clip Titan dùng kẹp mạch máu cỡ ML	Cái	11,000
178	Clip Titan dùng kẹp mạch máu cỡ M	Cái	11,000
179	Clip Titan dùng kẹp mạch máu cỡ S	Cái	9,200
180	Clip Polymer cỡ XL	Cái	2,400
181	Clip polymer dùng kẹp mạch máu cỡ ML, L	Cái	36,000
182	Troca phẫu thuật nội soi 5mm (2 lớp van giữ khí)	Cái	500

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
183	Troca phẫu thuật nội soi 11mm (2 lớp van giữ khí)	Cái	500
184	Troca phẫu thuật nội soi 12mm (2 lớp van giữ khí, gồm thân và ống ngoài)	Cái	50
185	Troca phẫu thuật nội soi 5mm (2 lớp van giữ khí, gồm thân và ống ngoài)	Cái	500
186	Troca phẫu thuật nội soi 11mm (2 lớp van giữ khí, gồm cả thân và ống ngoài)	Cái	500
187	Kéo Phẫu thuật nội soi (có cổng nối với dao mổ điện)	Cái	300
188	Trocar phẫu thuật nội soi 11mm (1 van chặn khí, gồm thân và ống ngoài)	Cái	200
189	Kéo phẫu thuật nội soi	Cái	200
190	Trocar phẫu thuật nội soi 1 lỗ 12mm	Cái	10
191	Dụng cụ phẫu thuật nội soi 1 lỗ 5mm	Cái	10
192	Dụng cụ kẹp nội soi 1 lỗ 5mm	Cái	10
193	Kẹp phẫu tích nội soi 1 lỗ 5mm	Cái	10
194	Clip tự động cỡ nhỏ	Cái	20
195	Clip tự động cỡ lớn	Cái	10
196	Clip tự động cỡ nhỏ	Cái	50
197	Lưỡi dao bào da	Cái	300
198	Lọ cấy đờm	Cái	400
199	Ống động mạch đầu thẳng 18Fr	Cái	20
200	Ống tĩnh mạch thẳng 12Fr	Cái	10
201	Ống tĩnh mạch thẳng 14Fr	Cái	10
202	Ống tĩnh mạch thẳng 16Fr	Cái	30
203	Ống tĩnh mạch thẳng 18Fr	Cái	20
204	Ống tĩnh mạch thẳng 20Fr	Cái	10
205	Ống tĩnh mạch thẳng 22Fr	Cái	10
206	Ống tĩnh mạch thẳng 24Fr	Cái	30
207	Ống tĩnh mạch thẳng 26Fr	Cái	20
208	Ống tĩnh mạch thẳng 28Fr	Cái	30

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
209	Ống tĩnh mạch thẳng 30Fr	Cái	40
210	Ống tĩnh mạch thẳng 32Fr	Cái	40
211	Ống tĩnh mạch gấp góc đầu sắt 12Fr	Cái	10
212	Ống tĩnh mạch gấp góc đầu sắt 14Fr	Cái	20
213	Ống tĩnh mạch gấp góc đầu sắt 16Fr	Cái	30
214	Ống tĩnh mạch gấp góc đầu sắt số 22Fr	Cái	50
215	Ống tĩnh mạch gấp góc đầu sắt số 24Fr	Cái	30
216	Ống tĩnh mạch gấp góc đầu sắt số 28Fr	Cái	10
217	Ống hút trong và ngoài tim	Cái	80
218	Dây nối truyền vành một đường ra	Cái	80
219	Ống truyền ngược dòng 13Fr	Cái	5
220	Kim truyền động mạch vành 12Fr 45°	Cái	10
221	Kim truyền động mạch vành 12Fr 90°	Cái	10
222	Ống truyền ngược dòng số 15Fr	Cái	20
223	Kim gốc động mạch chủ 9Fr	Cái	80
224	Kim gốc động mạch chủ 12Fr	Cái	3
225	Kim gốc động mạch chủ 14Fr	Cái	40
226	Ống hút tim trái số 16Fr (đầu silicon)	Cái	40
227	Ống hút tim trái số 16Fr (đầu nhựa)	Cái	20
228	Kim gốc động mạch 8Fr	Cái	10
229	Ống hút tim trái 13Fr	Cái	20
230	Ống hút tim trái 15Fr	Cái	10
231	Kim truyền động mạch vành (đầu tip dài khoảng 15cm)	Cái	20
232	Ống động mạch thẳng 18Fr	Cái	20
233	Dụng cụ thổi CO2	Cái	30
234	Kít và dây thổi CO2	Cái	20
235	Ống động mạch đùi thẳng nòng sắt 20Fr	Cái	5

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
236	Ống tĩnh mạch mono 29/46/37 Fr	Cái	5
237	Ống tĩnh mạch mono 29/29/29 Fr	Cái	5
238	Ống động mạch thẳng nòng sắt 20Fr	Cái	30
239	Ống tĩnh mạch đùi 25Fr	Cái	1
240	Ống động mạch thẳng 14Fr	Cái	10
241	Điện cực kim	Cái	7,500
242	Điện cực đất dành cho điện cơ tim (loại dán)	Cái	700
243	Điện cực dán bề mặt	Cặp	1,200
244	Keo dẫn điện	Lọ	2
245	Dây cưa xương	Cái	1,000
246	Mũi khoan tạo hình (dài 8cm, đường kính 1.1mm)	Cái	200
247	Mũi khoan cắt sọ (tương thích với máy khoan Medtronic)	Cái	200
248	Mũi khoan mài (Đường kính từ 2mm - 7.5mm)	Cái	100
249	Mũi khoan mài kim cương (Đường kính từ 2mm-4mm)	Cái	20
250	Mũi khoan mài (Đường kính 1mm)	Cái	20
251	Mũi khoan mài kim cương (Đường kính 1mm)	Cái	20
252	Mũi khoan mài kim cương làm nội soi u tuyến yên dài 12cm	Cái	20
253	Mũi khoan mài kim cương làm nội soi u tuyến yên dài 14 -15cm	Cái	10
254	Mũi khoan cắt sọ (tương thích với máy khoan Aesculap)	Cái	1,300
255	Mũi khoan tạo hình (tương thích với máy khoan Aesculap)	Cái	200
256	Mũi khoan sọ tự dừng (sử dụng nhiều lần)	Cái	20
257	Mũi khoan sọ tự dừng (sử dụng một lần)	Cái	200
258	Mũi khoan mài phá	Cái	90
259	Mũi khoan mài mịn kim cương	Cái	30
260	Clip (đường kính mở 7.5mm - 9mm)	Cái	900
261	Clip (đường kính mở 11mm)	Cái	700

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
262	Tay cầm clip (xoay được 360 độ)	Cái	3
263	Hemoclips (đường kính mở đến 16mm)	Cái	110
264	Hemoclips (đường kính mở đến 11mm)	Cái	30
265	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Cái	40
266	Bộ mở thông dạ dày qua da (bằng phương pháp nội soi)	Cái	100
267	Bộ mở thông dạ dày qua da (bằng trocar)	Bộ	20
268	Ống thông nuôi ăn dạ dày, thành bụng	Ống	20
269	Nắp chụp bảo vệ dây soi nhỏ	Cái	30
270	Panh lấy dị vật răng chuột	Cái	3
271	Bóng nong thực quản	Cái	20
272	Bộ bơm đo áp lực	Bộ	5
273	Bóng nong đường mật	Cái	20
274	Dao cắt cơ thắt (có đầu cách điện)	Cái	20
275	Dao cắt cơ thắt (không có đầu cách điện)	Cái	20
276	Dao kim cắt cơ vòng	Cái	5
277	Rọ lấy sỏi	Cái	20
278	Tay cầm cho rọ lấy sỏi	Cái	2
279	Dụng cụ phá sỏi	Cái	6
280	Dây dẫn dùng trong nội soi	Cái	70
281	Stent nhựa đường mật	Cái	200
282	Dao cắt hót dưới niêm mạc đầu sứ cách điện	Cái	20
283	Catheter để nhuộm niêm mạc	Cái	2
284	Canuyn ngáng miệng	Cái	200
285	Kim siêu âm nội soi chọc hút tế bào	Cái	30
286	Lọng cắt Polype các cỡ	Cái	60
287	Dao mở thông nang tụy	Cái	3
288	Kim tiêm cầm máu	Cái	30

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
289	Thắt chân polype (Endoloop)	Cái	50
290	Catheter ống thông	Cái	10
291	Kẹp cầm máu nóng	Cái	2
292	Dụng cụ xịt cầm máu qua nội soi	Cái	6
293	Bóng cao su bọc đầu ống siêu âm nội soi	Cái	200
294	Bóng kéo sỏi đường mật	Cái	30
295	Dao cắt dưới niêm mạc	Cái	3
296	Kim luồn chạy thận	Cái	81,000
297	Dây dẫn máu dùng cho thận nhân tạo	Bộ	49,000
298	Quả lọc thận số 12	Quả	3,800
299	Quả lọc thận số 15	Quả	5,700
300	Quả lọc thận số 18	Quả	1,800
301	Quả siêu lọc thận số 15	Quả	8,900
302	Quả siêu lọc thận số 18	Quả	5,600
303	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng dùng cho Thận nhân tạo (kèm phụ kiện)	Cái	400
304	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng dùng cho Thận nhân tạo	Cái	400
305	Đầu nối bảo vệ máy thận	Cái	8,600
306	Catheter đường hầm có cuff	Chiếc	200
307	Quả lọc hấp phụ	Quả	20
308	Dây truyền máu	Bộ	57,000
309	Lưỡi cắt tiêu bản	Cái	4,700
310	Cassette nhựa đúc bệnh phẩm	Cái	150,000
311	Nén đúc bệnh phẩm	Kg	1,300
312	Lamelle to	Cái	96,000
313	Lam kính mài (không phủ cản quang)	Cái	22,000
314	Kit thu nhận tiểu cầu túi đơn (túi chống đông 750ml)	Bộ	900

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
315	Kit thu nhận tiểu cầu túi đơn (túi chống đông 500ml)	Bộ	1,400
316	Túi lấy máu ba	Túi	80,000
317	Phin lọc bạch cầu truyền hồng cầu	Bộ	600
318	Tăm bông vô trùng	Cái	7,400
319	Tăm bông nguyên liệu	Cái	32,500
320	Que cấy nhựa 1ul	Cái	20,000
321	Que cấy nhựa 10ul	Cái	17,000
322	Hộp lồng nhựa (petri) Ø90	Đĩa	39,000
323	Hộp lồng nhựa (petri) Ø60	Đĩa	54,000
324	Ống nghiệm viên miệng ngắn (khoảng 12cm)	Cái	5,000
325	Ống nghiệm nhỏ 8cm	Cái	121,000
326	Ống máu đông có hạt	Tube	72,000
327	Ống máu đông không hạt	Tube	19,500
328	Ống đông máu natricitrat 3.2%	Cái	182,000
329	Ống ly tâm (ống Falcon) loại 15 - 20ml	Cái	3,800
330	Ống nghiệm nhựa nước tiểu	Cái	93,000
331	Ống xét nghiệm (sample cup)	Cái	8,500
332	Ống trữ lạnh mẫu	Cái	1,000
333	Ống Micro đựng mẫu	Cái	5,000
334	Ống Eppendorff	Cái	162,000
335	Lọ nhựa đựng tinh trùng	Cái	5,400
336	Ống nghiệm Heparine	Cái	483,000
337	Ống EDTA	Cái	518,000
338	Ống nghiệm chân không EDTA K3 2ml	Cái	321,000
339	Ống nghiệm chân không EDTA K3 6ml	Cái	59,000
340	Lamelle nhỏ	Cái	17,000
341	Đầu côn không lọc 10µl	Cái	22,000

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
342	Đầu côn có lọc 1000µl	Típ	13,000
343	Đầu côn có lọc 200µl	Típ	13,000
344	Đầu côn có lọc 1-10 µl	Cái	8,000
345	Đầu côn có lọc 1-20 µl	Cái	13,000
346	Đầu côn vàng	Cái	303,000
347	Pipette nhựa	Cái	99,000
348	Túi lấy máu bốn (300ml, 400ml)	Túi	10,000
349	Túi lấy máu bốn (250ml, 350ml)	Túi	10,000
350	Lọ xét nghiệm vi sinh	Lọ	7,100
351	Ống máu lắng	Cái	8,400
352	Găng tay không bột	Đôi	5,700
353	Túi Nylon 20 cm x 30 cm	Kg	200
354	Lam kính mài phủ cản quang [Thermo]	Cái	156,000
355	Lam kính	Cái	96,000
356	Giấy lọc fi 20	Tờ	800
357	Giấy thấm không bụi	Hộp	90
358	Màng lọc vi khuẩn	Tờ	200
359	Chỉ thị chiều xạ	Cuộn	2
360	Đầu côn xanh	Cái	4,200
361	Túi lấy máu đơn	Túi	300
362	Túi lấy máu rỗng	Túi	2,500
363	Phiến định nhóm máu	Cái	1,000
364	Dao nối vô trùng	Cái	2,000
365	Bàn chải đánh răng (100 chiếc x 1 gói)	Cái	4,000
366	Túi vải (100 chiếc x 1 gói)	Chiếc	7,200
367	Túi Nilon PE (kg) 50 kg*1cuộn	Kg	300
368	Túi Nilon viên miệng (Kg) 25 kg * 1 bao	Kg	80

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
369	Giấy parafin	Cuộn	3
370	Đầu côn 5ml	Cái	200
371	Giấy thử pH	Hộp	80
372	Đầu côn có lọc 50-1000 μ l	Cái	5,800
373	Que lấy mẫu bệnh phẩm tiết trùng	Chiếc	2,400
374	Que thủy tinh đầu dẹt (loại dài)	Cái	1,000
375	Que thủy tinh đầu dẹt (loại ngắn)	Cái	1,000
376	Băng thử nhiệt	Cuộn	2,800
377	Test hóa học dùng cho hấp dụng cụ	Cái	156,000
378	Test kiểm tra áp suất nồi hấp	Cái	103,000
379	Test chỉ thị sinh học cho máy hấp ẩm	Cái	400
380	Test kiểm tra chất lượng lò sau sửa chữa	Gói	200
381	Test kiểm tra hơi nước của lò hấp	Miếng	300
382	Bàn chải đánh tay phẫu thuật viên	Cái	800
383	Khăn lau khử khuẩn và làm sạch bề mặt	Cái	168,000
384	Giấy gói dụng cụ cho máy hấp nhiệt độ thấp 7.5cm	Cuộn	200
385	Giấy gói dụng cụ cho máy hấp nhiệt độ thấp 15cm	Cuộn	200
386	Giấy gói dụng cụ cho máy hấp nhiệt độ thấp 35cm	Cuộn	300
387	Chỉ thị hóa học cho máy tiết trùng nhiệt độ thấp	Hộp	60
388	Chỉ thị sinh học cho máy tiết trùng nhiệt độ thấp	Ống	100
389	Băng đựng hóa chất sử dụng với máy hấp nhiệt độ thấp	Băng	900
390	Giấy in máy hấp nhiệt độ thấp	Cuộn	10
391	Túi ép tiết trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO 75 mm x 200m	Cuộn	100
392	Túi ép tiết trùng nhiệt độ cao dùng cho máy hấp ướt	Cuộn	400
393	Túi ép tiết trùng nhiệt độ cao hấp ướt và hấp EO 350mm x 200m	Cuộn	400
394	Bình khí EO đơn liều	Bình	800

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
395	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao và diệt khuẩn dụng cụ y tế	Can	100
396	Chất tẩy rửa dùng cho máy rửa dụng cụ y tế	Can	10
397	Hóa chất H ₂ O ₂ sử dụng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Cốc	200
398	Chỉ thị hóa học EO (1251-3M)	Hộp	80
399	Chỉ thị sinh học EO (1294 - 3M)	Ống	100
400	Giấy in cho máy EO	Cuộn	10
401	Hóa chất dùng cho máy rửa Belimed (Neutral Enzyme Cleaner)	Can	5
402	Hóa chất bôi trơn dụng cụ kim loại máy rửa Steris (Hinge - Free)	Can	20
403	Hóa chất bôi trơn dụng cụ kim loại máy rửa Steris (Detegent 2x)	Can	20
404	Hóa chất bôi trơn dụng cụ kim loại máy rửa Steris (Enzymatic 2x)	Can	20
405	Miếng lau đầu đốt	Miếng	24,000
406	Phin lọc rửa tay vô trùng	Cái	800
407	Giấy ghi điện tim 3 cần 114mm x 20m	Cuộn	200
408	Giấy ghi điện tim 3 cần 63mmx30m	Cuộn	300
409	Giấy ghi điện tim 6 cần 110mmx140mm	Tập	1,400
410	Giấy ghi điện tim 6 cần 58mmx25m	Cuộn	3,000
411	Giấy ghi điện tim 12 kênh 210mmx20m	Cuộn	700
412	Giấy ghi điện tim 12 kênh 210mmx25m	Cuộn	400
413	Ống thổi	Cái	8,000
414	Giấy in nhiệt cho máy siêu âm	Cuộn	2,700
415	Găng hộ lý	Đôi	5,400
416	Dây buộc nội khí quản	mét	41,000
417	Dây đai thắt tim phổi máy	Cái	3,800
418	Túi nilon 30x40cm	Cái	2,000
419	Giấy in ảnh	Tờ	1,000
420	Phim X quang laser 35cm x 43cm (nền xanh)	Tờ	320,000

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
421	Phim X quang laser 35cm x 43cm (nền phủ PET)	Tờ	76,000
422	Phim X quang laser 35cm x 43cm (nền xanh phủ polyester)	Tờ	91,000
423	Phim X quang laser 35cm x 43cm (tương thích với máy in phim Drypro 832)	Tờ	65,000
424	Phim X quang laser 26 x 36 cm (nền xanh)	Tờ	21,000
425	Phim X quang laser 25cm x 30cm (nền xanh)	Tờ	471,000
426	Phim X quang laser 25cm x 30cm (nền xanh phủ polyester)	Tờ	205,000
427	Phim X quang laser 25cm x 30cm (nền PET phủ muối bạc)	Tờ	33,000
428	Phim X quang laser 25cm x 30cm (M2)	Tờ	15,000
429	Phim X quang laser 20cm x 25cm (nền xanh phủ polyester)	Tờ	138,000
430	Phim X quang laser 20cm x 25cm (nền xanh)	Tờ	90,000
431	Phim X quang laser 20cm x 25cm (nền PET phủ muối bạc)	Tờ	15,000
432	Phim X quang laser 20cm x 25cm (M2)	Tờ	8,000
433	Phim X quang nhiệt	Tờ	3,000
434	Khung căng da	Cái	50
435	Lưỡi cưa xương ực	Cái	5
436	Bộ đèn đặt nội khí quản	Bộ	100
437	Bóng đèn nội khí quản	Cái	300
438	Lưỡi đèn nội khí quản loại thường	Chiếc	300
439	Bộ đo huyết áp đồng hồ	Bộ	110
440	Bộ ống nghe	Cái	80
441	Quả bóp huyết áp	Cái	300
442	Băng đo huyết áp cơ	Cái	600
443	Kéo cắt chỉ 16cm	Chiếc	400
444	Kéo cắt băng	Cái	400
445	Panh farrabeuf	Đôi	20
446	Dụng cụ nong khí quản trẻ em Laborde	Cái	3

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
447	Bộ dụng cụ banh vết thương trẻ em Farabeuf	Bộ	3
448	Hộp đựng bông cỡ to (Ø khoảng 100mm)	Cái	50
449	Ống cắm panh	Cái	50
450	Khay quả đậu loại nhỏ (Kích thước khoảng 20x14cm)	Cái	200
451	Hộp đựng dụng cụ thay băng	Cái	500
452	Khay inox chữ nhật cỡ nhỏ (khoảng 300 x 200 x 20 (mm))	Cái	700
453	Khay inox chữ nhật cỡ lớn (khoảng 400 x 300cm x 20 (mm))	Cái	300
454	Bát Inox fi 6cm	Chiếc	200
455	Bát inox fi 10 cm	Cái	300
456	Bát inox fi 14 cm	Cái	300
457	Bát inox fi 18cm	Cái	500
458	Hộp hấp toan tròn cỡ nhỏ (Ø khoảng 185mm)	Cái	100
459	Hộp hấp toan tròn cỡ lớn (Ø khoảng 290mm)	Cái	200
460	Cán dao mổ các số	Cái	100
461	Túi chườm nóng lạnh	Cái	100
462	Mặt nạ gây mê	Cái	400
463	Nòng đặt nội khí quản	Cái	20
464	Đồng hồ đo áp lực bóng chèn	Cái	10
465	Bình máy hút có nắp	Cái	200
466	Bộ hút dịch gắn tường kèm đầu cắm nhanh	Cái	300
467	Bình máy hút không nắp	Cái	100
468	Bộ lưu lượng kế oxy cắm tường	Bộ	200
469	Bộ đồng hồ oxy cắm bình	Bộ	40
470	Bình làm ẩm Oxy	Cái	100
471	Ambu dùng trong cấp cứu	Cái	200
472	Bóng mê 0.5*2L	Cái	50

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
473	Cân đĩa	Cái	2
474	Cặp phẫu tích (Dicsicke)	Cái	410
475	Hộp đựng bông INox	Cái	40
476	Gu găm xương	Cái	5
477	Nhiệt kế 42độ	Cái	1,200
478	Pince Kocher đầu mảnh thẳng cong 16cm	Cái	500
479	Pince Kocher 18cm thẳng cong	cái	200
480	Pince nhỏ cầm máu 12,14,16cm	Cái	30
481	Pince Magill	Cái	20
482	Chổi rửa dụng cụ nội soi - Olympus	Chiếc	100
483	Dụng cụ ủi xương	Cái	20
484	Pince tim 25cm	Cái	20
485	Giá cầm ống nghiệm đáy liền Inox loại 24 lỗ	Cái	20
486	Giá cầm ống nghiệm đáy liền Inox loại 12 lỗ	Cái	6
487	Lọ thủy tinh tối màu có công tơ hút	Cái	20
488	Hộp Inox hình trụ	Cái	4
489	Cốc đông thủy tinh có mỏ hình phễu có chia vạch, dung tích 250ml	Cái	3
490	Cốc đông thủy tinh có mỏ hình phễu có chia vạch, dung tích 500ml	Cái	3
491	Bình thủy tinh có mẫu dùng để hút chất không dung tích 1 lít	Cái	2
492	Dầu bảo quản máy khoan loại bình xịt	Chai	20
493	Dầu bảo quản dụng cụ	Lọ	50
494	Đầu chụp cắt mở sọ	Cái	20
495	Đầu chụp mũi khoan mài dài 9cm	Cái	10
496	Đầu chụp mũi khoan tạo hình thẳng dài 8cm	Cái	10
497	Đầu chụp mũi khoan dài dài 14cm, gấp góc làm phẫu thuật nội soi u tuyến yên	Cái	10
498	Đầu chụp mũi khoan dài dài 12cm, gấp góc làm phẫu thuật nội soi u tuyến yên	Cái	10

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
499	Bóng bóp , kẹp chỉ cho máy ghi sóng điện tim nihonkhonden	Bộ	15
500	Bóng bóp, kẹp chỉ cho máy ghi sóng điện tim Cadiolife	Bộ	5
501	Bộ Garo hơi tay	Cái	10
502	Bộ Garo hơi chân	Cái	5
503	Bộ dây thở người lớn (có bể nước)	Bộ	30
504	Đầu đo lưu lượng tương thích cho máy mê, máy thở Draeger.	Cái	40
505	Đầu đo ôxy, tương thích cho máy mê hãng Drager.	Cái	20
506	Đầu đo ôxy, tương thích cho máy thở hãng Bennet.	Cái	30
507	Đầu đo ôxy, tương thích cho máy mê hãng Ohmeda.	Cái	20
508	Đầu đo điện tim cho máy ghi sóng điện tim Nihon Kohden.	Cái	20
509	Đầu đo điện tim cho máy ghi sóng điện tim Cardioline.	Cái	10
510	Bộ cáp đo điện tim loại 3 điện cực tương thích sử dụng cho máy monitor HP	Cái	60
511	Bộ đầu đo Spo2 bằng Silicone cho máy monitor Dash 4000	Cái	20
512	Bộ đầu đo điện tim loại 5 điện cực sử dụng cho máy Monitor Spacelabs	Cái	20
513	Bộ đầu đo điện tim loại 5 cực, sử dụng tương thích cho máy monitor HP.	Cái	70
514	Cáp đo IBP tương thích sử dụng cho máy Elance5, Ultraview SL.	Cái	20
515	Đầu đo nhiệt độ cho dàn máy tuần hoàn ngoài cơ thể	Cái	20
516	Bộ kit bảo trì 3 năm cho máy gây mê kèm thở fabius	Bộ	5
517	Sensor oxy cho máy gây mê blease	Cái	4
518	Sensor oxy cho máy thở newport E360	Cái	30
519	Mask thở dùng cho máy thở các loại trong thở CPAP	Cái	30
520	Bộ kit bảo trì cho máy gây mê kèm thở blease spacelab	Bộ	5
521	Bộ thở CPAP	Bộ	30

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
522	Tay dao mổ điện 3 chân cắm	Cái	900
523	Bóng test cho máy thở	Quả	20
524	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay tương thích sử dụng cho máy monitor HP V24C	Bộ	6
525	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay	Bộ	20
526	Bộ dây thở người lớn dùng cho máy mê (dùng nhiều lần)	Bộ	30
527	Bộ dây thở trẻ em dùng cho máy mê (dùng nhiều lần)	Bộ	6
528	Bộ bản cực trung tính bằng cao su, silicon tương thích sử dụng cho dao mổ Berchtold loại dùng cho người lớn.	Bộ	15
529	Bộ bản cực trung tính bằng cao su, silicon tương thích sử dụng cho dao mổ Valleylab, Erbe loại dùng cho người lớn.	Bộ	80
530	Bao đo huyết áp người lớn và trẻ em dùng cho máy theo dõi BN Dash 4000 và 5000	Cái	20
531	Băng đo huyết áp người lớn	Cái	300
532	Bao đo huyết áp trẻ em.	Cái	30
533	Đầu đo Spo2 bằng Silicone, cao su loại đút ngón tay sử dụng cho người lớn theo chuẩn Nellcor	Bộ	60
534	Cáp đo IBP tương thích sử dụng cho máy monitor HP V24C.	Cái	10
535	Bộ cáp đo điện tim loại 5 cực	Bộ	20
536	Đầu đo SpO2 loại kẹp ngón tay tương thích cho máy monitor VS 800 hãng Mindray.	Bộ	80
537	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay , tương thích sử dụng cho máy máy theo dõi BN Phillip	Bộ	200
538	Bộ cáp đo SpO2 loại kẹp ngón tay, tương thích sử dụng cho máy monitor Dash 5000	Bộ	13
539	Cáp đo IBP tương thích sử dụng cho máy dash 4000	Cái	6
540	Bộ dây thở trẻ em (có bể nước)	Bộ	6
541	Sensor Oxy cho máy thở Vela	Cái	2
542	Bể nước EtCo2 tương thích sử dụng cho máy của hãng GE	Cái	30
543	Dây dao lưỡng cực mổ mở dùng với dao mổ điện	Cái	500

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng KH dự kiến
544	Tay dao lưỡng cực mở mở dùng với dao mổ điện (chiều dài khoảng 20cm)	Cái	40
545	Tay dao lưỡng cực Titanium mở mở dùng cho dao mổ điện (chiều dài khoảng 22cm)	Cái	2
546	Đầu dao điện nối dài tương thích với dao điện của hãng Valley Lab	Cái	200
547	Flowsensor tương thích với máy thở Engstrom	Cái	6
548	Van thở ra kèm flowsensor tương thích với máy thở Engstrom	Bộ	10
549	Đầu đo huyết áp động mạch	Cái	50
550	Bản cực trung tính loại cho trẻ em	Bộ	100
551	Miếng dán đa chức năng	Miếng	45
552	Dung dịch tan gi hợp chất vô cơ	Bộ	30
553	Dung dịch tan gi hợp chất hữu cơ.	Bộ	30
554	Dung dịch bôi trơn dụng cụ	Can	30
555	Tay چرا sọ não dòng microline, không bao gồm đầu chụp	Cái	16
556	Tay khoan sọ não tự dùng	Cái	3
557	Tay đục sọ dòng Micro-Line	Cái	13
558	Núm quay tốc độ máy bơm tiêm điện	Cái	10
559	Vỏ bộ cảm biến đếm giọt máy truyền dịch	Cái	20
560	Bo mạch nguồn bơm tiêm điện	Cái	20
561	Bo mạch chính bơm tiêm điện tương thích với máy Terumo TE331	Cái	20
562	Vỏ trên bơm tiêm điện TE-331	Cái	6
563	Vỏ dưới bơm tiêm điện TE331 (06LQ520A1)	Cái	20
564	Vỏ trên cho máy bơm tiêm điện TE331S (06PQ501A)	Cái	20
565	Bo mạch chính bơm tiêm điện TE331 (05LQ064A)	Cái	5
566	Đầu dao 23 KHz cỡ chuẩn C4601S	Cái	11
567	Bộ tích hợp dao mổ điện cầm máu 23 KHz - C6623	Cái	11
568	Bộ dây bơm tiết trùng cho tay dao 23KHz - C3600	Cái	11